TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/DS-PT
Ngày 26 tháng 01 năm 2018
V/v "Tranh chấp di sản thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Nguyễn Kim Tư

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre*:** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26/10/2017 và ngày 26/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2017/TLPT-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2017/DS-ST, ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 243/2017/QĐPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ (Đ1), sinh năm 1948.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Hồ Thị N, sinh năm 1949 (theo văn bản ủy quyền ngày 11-8-2014).

Cùng trú tại: 130/3 Phan Thanh G, khu phố 4, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Chị Cao Thị Minh N1, sinh năm 1970.

Anh Hồ Hoàng V, sinh năm 1969.

Cùng trú tại: 180 khu phố 3, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người kháng cáo: Anh Hồ Hoàng V và chị Cao Thị Minh N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2009; bản tự khai; biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bà Hồ Thị N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ là con duy nhất của cụ Nguyễn Văn T và cụ Lương Thị H. Cụ T và cụ H có có tạo lập được phần đất có diện tích 6.284m^2 thửa 23, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn M1, trong đó có 3.880m^2 đất của ông bà để lại và 2.404m^2 đất là cụ T và cụ H khai hoang.

Năm 1977, cụ T chết không để lại di chúc, cụ H tiếp tục quản lý phần đất này. Năm 2008, cụ H tách cho ông Đ một phần đất có diện tích 2.404m^2. Phần đất 3.880m^2 còn lại cụ H tiếp tục quản lý, canh tác. Năm 2002, cụ H lập di chúc cho chị N1 phần đất có diện tích 2.900m^2 và căn nhà trên đất cùng các vật dụng trong nhà, phần còn lại qua đo đạc thực tế 899,6m^2 thuộc thửa 23đ, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tại Tòa, ông Đ yêu cầu Tòa án buộc chị Cao Thị Minh N1 và anh Hồ Hoàng V giao trả cho ông phần đất có diện tích 899,6m^2, cây trồng trên đất do ông Đ và cụ H trồng vào năm 2004 thuộc một phần thửa 23đ, tờ bản đồ số 40 mà ông Đ được hưởng thừa kế từ cụ H.

Tại đơn phản tố ngày ngày 01/8/2010; biên bản hòa giải, bản tự khai chị Cao Thị Minh N1, anh Hồ Hoàng V trình bày: chị N1 gọi cụ T, cụ H là ông bà. Cụ T, cụ H đem chị N1 về ở chung từ năm 1975. Năm 1977, cụ T chết, chị N1 tiếp tục ở chung với cụ H, chăm lo cho cụ lúc tuổi già và canh tác toàn bộ diện tích nhà và đất của cụ H.

Năm 2002, cụ H lập di chúc có nội dung cụ T và cụ H không có người con nào, hai cụ có thừa hưởng phần đất có diện tích 2.900m^2 của ông bà để lại, nay cụ lập di chúc để lại cho chị N1 thừa hưởng toàn bộ tài sản và di sản trên (Búc lục 44). Di chúc này, có xác nhận của Trưởng ấp là ông Nguyễn Vũ H1 ngày 20-12-2002, xác nhận của UBND xã ngày 24-01-2003. Khi lập di chúc, gia đình của chị N1chưa đo đạc cụ thể diện tích đất.

Năm 2004, hộ cụ Lương Thị H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 940/QSDĐ, diện tích 6.335,6m^2, thửa số 23, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Năm 2007, cụ H chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn N3 phần đất có diện tích 51,2m^2, diện tích còn lại là 6.284,4m^2.

Ngày 09/9/2008, cụ H tách cho ông Đ phần đất 2.404m^2, diện tích còn lại là 3.880m^2. Trên phần đất còn lại, vợ chồng chị cải tạo trồng cây và làm hàng rào từ nhiều năm nay. Nay, ông Đ yêu cầu chị trả cho ông phần đất 899,6m^2, thì vợ chồng chị không đồng ý, vì đất này cấp cho hộ cụ H, mà trong hộ có vợ chồng chị là đồng sở hữu. Chị N1, anh V yêu cầu Tòa án công nhận phần đất 899,6m^2 thuộc một phần thửa 23đ, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre cho vợ chồng chị. Nếu ông Đ được Tòa án chấp nhận chia đất thì phải trả công sức cho vợ chồng chị.

Vụ án này đã được Tòa án các cấp giải quyết nhiều lần, cụ thể như sau:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2010/DS-ST ngày 20-9-2010, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre bác yêu cầu đòi 899,6m^2 đất vườn và hoa lợi trên đất là 28.280.000 đồng của ông Đ đối với chị N1, anh V. Công nhận phần diện tích đất thực tế 899,6m^2 m^2 mà chị N1, anh V đang quản lý sử dụng là thuộc quyền sử dụng của chị N1, anh V thuộc thửa 23c, 23d, tờ bản đồ 40, tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 233/2010/DS-ST ngày 30-11-2010, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện M về phần án phí. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2010/DS-ST ngày 20/9/2010 Tòa án nhân dân huyện M phần tranh chấp quyền sử dụng đất, sửa án sơ thẩm về phần án phí.

Bác yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ về việc đòi 899,6m^2 đất vườn (có cây trồng trên đất trị giá 28.280.000 đồng) đối với chị Cao Thị Minh N1 và anh Hồ Hoàng V.

Công nhận phần diện tích đất thực tế (thửa 23c và thửa 23d) mà chị N1, anh V đang quản lý sử dụng là thuộc quyền của chị N1 và anh V.

Tại Quyết định giám đốc thẩm 514/DS-GĐT ngày 22-11-2013 của Tòa Dân sự TAND tối cao, hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 233/2010/DS-ST ngày 30/11/2010 Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2010/DS-ST ngày 20/9/2010 Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre về ”Tranh chấp di sản thừa kế” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ với bị đơn chị Cao Thị Minh N1 và anh Hồ Hoàng V, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DS-ST ngày 13/6/2017, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, buộc chị Cao Thị Minh N1 và anh Hồ Hoàng V giao trả ông Đ phần đất có diện tích 899,6m^2 thuộc thửa 23đ, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị N1, anh V được tòa án tống đạt hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt không lý do, nên áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tòa án đình chỉ phần yêu cầu phản tố của chị N1, anh V về yêu cầu tòa án công nhận phần đất 899,6m^2 thuộc thửa 23đ, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09 tháng 7 năm 2017, anh Hồ Hoàng V và chị Cao Thị Minh N1 có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về TAND huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh V và chị N1 vẫn giữ nguyên kháng cáo với nội dung cho rằng tòa cấp sơ thẩm xét xử căn cứ kết quả đo đạc năm 2009 là không khách quan, vì

hiện tại phía chị đang quản lý phần đất tranh chấp chỉ khoảng 700 m^2, nhưng tòa sơ thẩm buộc phải trả lại phía ông Đ gần 900 m^2 thì không thể nào thi hành được. Hơn nữa, cấp sơ thẩm không buộc phía ông Đ bồi hoàn giá trị cây trồng trên đất và phần cát bơm là làm thiệt thòi quyền, lợi ích hợp pháp của phía chị, và tuyên án phí không đúng. Đề nghị tòa cấp phúc thẩm xem xét lại theo hướng hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về TAND huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết lại.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh V, chị N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về TAND huyện M giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của anh Hồ Hoàng V và chị Cao Thị Minh N1 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất là di sản thừa kế mà ông Nguyễn Văn Đ tranh chấp với anh Hồ Hoàng V và chị Cao Thị Minh N1 thuộc thửa 23c, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

[2] Về nguồn gốc đất: các bên đương sự đều thừa nhận có nguồn gốc là của vợ chồng cụ Nguyễn Văn T và cụ Lương Thị H. Cụ T và cụ H không sinh được người con nào và có tạo dựng được 6.284m^2 đất thuộc thửa 23, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Trong đó, có phần đất đang tranh chấp.

[3] Năm 2008, cụ H chết, ông Đ yêu cầu vợ chồng chị N1 phải trả lại phần đất tranh chấp nêu trên cho ông, vì ông là con nuôi hợp pháp duy nhất của cụ H, cụ T.

Xét thấy: năm 1977, cụ T chết không để lại di chúc, cụ H tiếp tục quản lý phần đất của hai cụ. Năm 2004, cụ H đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 6.335,6m^2. Năm 2007, cụ H chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn N3 phần đất có diện tích 51,2m^2. Năm 2008, cụ H tách cho ông Đ một phần đất có diện tích 2.404m^2. Phần đất 3.880m^2 còn lại cụ H tiếp tục quản lý, canh tác.

Vào năm 2002, cụ H có lập di chúc cho chị N1 phần diện tích đất 2.900m^2 và căn nhà trên đất cùng các vật dụng trong nhà. Phần đất còn lại, qua đo đạc thực tế 794m^2 thuộc thửa 23c, tờ bản đồ số 40 tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre, hiện tại chị N1 đang quản lý, sử dụng.

Trong thực tế, cho đến khi chết, cụ H không có lập di chúc nào khác để điều chỉnh lại diện tích mà mà cụ H đã di chúc cho chị N1, nên có căn cứ xác định cụ H chỉ cho chị

N1 phần đất có diện tích 2.900m^2. Phần đất còn lại qua đo đạc thực tế 794m^2 nêu trên, là di sản thừa kế của cụ H để lại, do cụ H chưa định đoạt. Cho nên, ông Đ người thừa kế duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất có quyền thừa kế.

[4] Tại cấp sơ thẩm, ông Đ không yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp đo đạc, định giá lại tài sản tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo hợp lệ cho chị N1, anh V trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo để yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp đo đạc, định giá lại tài sản tranh chấp, nhưng hết thời hạn nêu trên, chị N1, anh V đều không gởi yêu cầu cho tòa án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào kết quả đo đạc, định giá trước đây để giải quyết. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, phía chị N1 có yêu cầu tòa cấp phúc thẩm tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp đo đạc, định giá lại tài sản tranh chấp. Sau khi tiến hành đo đạc lại vào ngày 27/11/2017 thì thấy rằng tại vị trí ranh không thay đổi nhưng cả phần diện tích đất mà chị N1 được tặng cho theo di chúc của cụ H, và phần diện tích đất còn lại phía ông Đ được thừa hưởng từ cụ H đều có sự chênh lệch thiếu diện tích đất so với họa đồ kỹ thuật thửa đất năm 2009 mà tòa cấp sơ thẩm đã căn cứ vào kết quả đo đạc, định giá trước đây để giải quyết.

Qua đo đạc và định giá ngày 27/11/2017 thì phát sinh thêm có hai phần đất của ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Ngọc P, nhưng do phía chị N1 cản trở, không hợp tác nên tòa cấp sơ thẩm không thực hiện được việc đo đạc và không phát hiện đưa ông R, bà P vào tham gia tố tụng để làm rõ phần diện tích còn lại tại thửa 14a, 23b, tờ bản đồ số 40. Do đây là tình tiết mới phát hiện, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về TAND huyện M giải quyết lại theo thủ tục chung.

Do hủy án sơ thẩm, nên chị Cao Thị Minh N1 và anh Hồ Hoàng V không phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DS-ST, ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre. Giao hồ sơ vụ án về TAND huyện M giải quyết lại theo thủ tục chung.

Chị Cao Thị Minh N1 và anh Hồ Hoàng V không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) cho chị Cao Thị Minh N1 và anh Hồ Hoàng V đã nộp theo biên lai thu số 0011502 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
-TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thế Xương